

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24/10/2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú;

Ông Bùi Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Trần Thị H**, sinh năm 1974; Địa chỉ: số nhà 36, ngõ 18, đường Đ, phố K, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

- *Bị đơn:* **Anh Hoàng T**, sinh năm 1974; Địa chỉ: số nhà 36, ngõ 18, đường Đ, phố K, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình..(Có đơn xin xử vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Quỹ tín dụng nhân dân A, Địa chỉ trụ sở chính: thôn Đ, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; Đại diện theo pháp luật: bà Phạm Thị Hồng T sinh năm 1985; Trú tại: thôn Đ, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; đại diện theo ủy quyền bà Ngô Thị Thu P trú tại: thôn Đ, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. (Có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, Nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Hoàng T tự nguyện đăng ký kết hôn từ ngày 29/12/2006 tại UBND phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Đến năm 2017, gia đình anh chị chuyển về cư trú tại phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc ngay từ buổi đầu. Nguyên nhân là

do anh T sống ích kỷ, gia trưởng, vũ phu, thường xuyên đánh đập chị, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến ngày 28/2/2019, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình. Quá trình giải quyết, chị đã tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ nên đã rút đơn khởi kiện. Ngày 06/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 21/2019/QĐST- HNGĐ. Tuy nhiên, đến nay tình cảm không hàn gắn được và ngày càng trầm trọng hơn. Chị không còn tình cảm với anh T nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Hoàng T có một con chung là cháu Hoàng Hiếu T1 sinh ngày 23/06/2011. Hiện nay cháu T1 đang ở cùng với chị. Chị H có thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000đồng/tháng. Trường hợp ly hôn, chị H đề nghị nuôi cháu Thảo và tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị đã thay đổi quan điểm không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Thảo.

Về tài sản và công nợ chung:

Tại đơn khởi kiện: Chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung anh chị có mua 01 mảnh đất của ông Nguyễn Xuân Đ và bà Phạm Thị Thu H vào tháng 3 năm 2018 thửa đất số 79, tờ bản đồ số 07 diện tích 80m² tại phố K, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, trên đất có nhà mái bằng và vợ chồng tôi xây tầng thứ hai. Tổng giá trị nhà đất khoảng 2.000.000.000đ. Về công nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Hoàng T có vay của quỹ tín dụng nhân dân A số tiền 50.000.000đ đến nay đã trả được 14.000.000đ còn nợ lại 36.000.000đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 09 năm 2019 Chị Trần Thị H đã đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung và công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Phiên tòa Nguyên đơn chị Trần Thị H: Vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng T vì tình cảm anh chị không còn. Về con chung chị đề nghị được nuôi cháu Hoàng Hiếu T1 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T theo quy định của pháp luật đến khi tuổi 18 tuổi. Về tài sản chung và công nợ chung chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ bị đơn anh Hoàng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Hiện nay anh T đã ra ngoài ở nhà thuê không còn ở chung với chị H. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, bản thân anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhưng anh không nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn vì không muốn để con cái trách mình đồng ý ly hôn với mẹ cháu.

Về con chung: Anh T, chị H có 01 con chung là cháu Hoàng Hiếu T1 sinh ngày 23/06/2011. Anh T đề nghị nuôi cháu Thảo, nhưng anh cũng đề nghị để cho chị H nuôi cháu Thảo đến khi nào cháu Tiến (con riêng anh T) đi học thì anh sẽ nhận cháu T1 về nuôi.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quỹ tín dụng nhân dân A (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan): ngày 30/03/2018 Quỹ tín dụng A đã nhận được đơn đề nghị kiêm phương án vay vốn của bà Trần Thị H và ông Hoàng T với mục đích sửa chữa nhà ở. Quỹ tín dụng đã cho bà H, ông T vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng theo HĐ thế chấp số 3182/HĐTC và HĐ vay vốn số 3182/HĐVV. Quá trình vay ông T, bà H đã thanh toán được số tiền 14.124.300 đồng. Số tiền anh T, chị H còn phải thanh toán là 36.388.800, trong đó nợ gốc là: 35.875.700 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 23/08/2019 là 513.100 đồng. Do vậy Chị H và anh T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Quỹ tín dụng A đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình giải quyết để vợ chồng chị H và anh T có trách nhiệm trả nợ khoản nợ trên. Tuy nhiên ngày 22/9/2019 chị Trần Thị H có đơn rút yêu cầu về phần chia tài sản chung và công nợ chung để tự thỏa thuận. Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân A cũng có quan điểm nhất trí với yêu cầu trên của chị H và không có yêu cầu độc lập, do vậy không xem xét giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của chị Trần Thị H về phần tài sản chung và công nợ chung.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H về việc “Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Hoàng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị H với anh Hoàng T.

2. Về con chung: giao cháu Hoàng Hiếu T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung từ 1.000.000 đồng/ tháng đến 1.500.000 đồng/tháng.

3. Về công nợ chung và tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Trả lại cho

chị Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí về phần chia tài sản đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

5. Về án phí cấp dưỡng nuôi con, anh Hoàng T phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu, người phải thi hành án còn phải lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn; Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 12/9/2019 chị Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung và công nợ chung đã được bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý Theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử một phần yêu cầu tài sản chung và công nợ chung là có căn cứ.

Anh Hoàng T là bị đơn trong vụ án đã có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa với lý do công việc bận. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Hoàng T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2006 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Trích lục kết hôn số 30/ngày 01/3/2019, quyển số 61 ngày 29/12/2006. Đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân là do anh T sống ích kỷ, gia trưởng, vũ phu, thường xuyên đánh đập chị, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến ngày 28/2/2019, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị H đã nộp đơn khởi kiện xin được ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình. Quá trình giải quyết, chị H đã rút đơn khởi kiện về việc xin ly hôn anh T để hàn gắn tình cảm. Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 21/2019/QĐST- HNGĐ ngày

06/5/2019. Sau thời gian rút đơn cho đến nay Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị H đề nghị xin ly hôn anh T. Anh T cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh T không đồng ý ly hôn là do không muốn các con nghĩ rằng mình bỏ mẹ các cháu. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T, chị H đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng sống ly thân đã lâu anh T đã dọn nhà ra ở chỗ khác ở không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau; chính quyền địa phương nơi anh T, chị H cư trú cũng xác nhận anh chị mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, anh T chị H thường xuyên đánh chửi nhau và không tôn trọng nhau. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Hoàng T là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Hoàng T có một con chung là cháu Hoàng Hiếu T1 sinh ngày 23/06/2011. Từ khi anh T đi ra thuê nhà ở chỗ khác, cháu Hoàng Hiếu T1 do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H đề nghị nuôi cháu T1. Chị H có thu nhập ổn định, đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống cho cháu. Mặt khác, đơn trình bày của cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Hiếu T1 đến khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống.

Về cấp dưỡng: tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã thay đổi quan điểm không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, công việc của anh T là lái xe cho doanh nghiệp X cháu T1 hiện còn nhỏ cần có nhu cầu tối thiểu cho sinh hoạt và học tập, Tuy nhiên anh T hiện tại còn có nuôi một 01 con riêng đang học lớp 12 cũng cần anh chăm sóc và nuôi dưỡng do vậy Hội đồng xét xử buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Hiếu T1 là 1.000.000đồng/tháng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung:

Tại đơn khởi kiện: Chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 12/9/2019 Chị Trần Thị H đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng. Xét thấy chị Trần Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và công nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc đã được bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý cho việc rút một phần yêu cầu về tài sản chung và công nợ chung của chị H. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thấy cần đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng,.

[2.4]. Về án phí:

- Án phí ly hôn: Chị Trần Thị H chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho chị Trần Thị H số tiền 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí về phân chia tài sản chung của vợ chồng.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: anh Hoàng T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[2.5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Khoản 2 Điều 244 khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn đối với anh Hoàng T. Quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị H và anh Hoàng T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Hiếu T1 đến khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Hoàng T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Hoàng T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng chị Trần Thị H và anh Hoàng T

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trả lại cho chị Trần Thị H số tiền 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001202 ngày 23 tháng 7 năm 2019.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm chị Trần Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng T và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TPNB;
- Chi cục THA TPNB;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã Ký)

Lâm Thị Thanh Nhàn

